TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH K** Số: 04/2025/QĐST-DS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *N....., ngày 27 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 04 năm 2024, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- N**guyên đơn:** Ông A V, sinh năm 1970 và bà Y T, sinh năm 1982*;* Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

- B**ị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1978 và bà Y H, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. **Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

- *Về nội dung tranh chấp:*

Hai bên thống nhất: Lấy cọc sắt sát tường nhà cấp 4 của ông Lê Văn T, bà Y H thuộc hướng Tây thửa đất cách tim đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) là 27 mét và cọc bê tông thuộc hướng Đông thửa đất cách tim đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14A) là 67,70 mét, khoảng cách giữa cọc sắt và cọc bê tông là 40,7 mét làm mốc giới để xác định diện tích đất tranh chấp là 8,3m^2 thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 455091. Vị trí cọc sắt và cọc bê tông, hai bên công nhận là đúng với vị trí giao đất theo

hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/5/2017 giữa ông Lê Văn T, bà Y H và ông A V, bà Y T.

Ông Lê Văn T, bà Y H đồng ý sẽ tháo dỡ, di dời công trình vật kiến trúc, tài sản trên diện tích đất 8,3m^2 để trả lại cho ông A V, bà Y T thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 455091 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 17-07-2017 cho ông A V và bà Y T, địa chỉ thửa đất: thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh K. (*kèm theo trích lục bản đồ địa chính diện tích đất tranh chấp ngày 31/7/2024 của chi nhánh VPĐK đất đai huyện N*).

Thời gian ông T, bà H thoả thuận thống nhất tháo dỡ, di dời công trình vật kiến trúc, tài sản trên diện tích đất 8,3m^2 để trả lại cho ông A V, bà Y T là 05 năm kể từ ngày 19/5/2025 đến ngày 19/5/2030.

Kể từ ngày 20/5/2030 nếu ông Lê Văn T, bà Y H không thực hiện việc tháo dỡ, di dời công trình vật kiến trúc, tài sản trên diện tích đất 8,3m^2 để trả lại cho ông A V, bà Y T thì ông V, bà T được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để thi hành diện tích đất 8,3m^2. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc thi hành án ông T, bà H phải chịu toàn bộ, đồng thời phải trả lại cho ông A V, bà Y T toàn bộ khoản chi phí xem xét thẩm định mà ông A V, bà Y T đã nộp trước trong vụ án là 4.739.000đ (Bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản*: Ông A V, bà Y T tự nguyện nhận chịu trước là 4.739.000đ (Bốn triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lê Văn T, bà Y H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A V, bà Y T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số: 0002001 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- TAND cấp cao Đ;
- Chi cục THA huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Bá Khen